

**TÒA ÁN NHÂN DÂN T.P PHỔ YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH THÁI NGUYÊN** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HN&GD - ST

Ngày: 31/3/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh;
2. Ông Dương Văn Toàn.

***Thư ký phiên toà:*** Bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên toà:***  
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 271/2022/HN&GD-ST ngày 09/11/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXX-ST, ngày 01/3/2023 giữa:

**Nguyên đơn: Chị Hồ Thị L, sinh năm 1987;**

ĐKHKTT: TDP Tuần, phường Đắc Sơn, T.P Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

**Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1986;**

ĐKHKTT: TDP Tuần, phường Đắc Sơn, T.P Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(chị Loan, anh Dũng có mặt tại phiên toà).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Hồ Thị Loan trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đắc Sơn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/12/2010. Sau khi kết hôn chị về nhà anh D làm dâu, sống chung được 5 năm thì ra ở riêng. Từ khi ra ở riêng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Dũng hay uống rượu, cờ bạc, hành hạ chị cả về thể xác và tinh thần. Mâu thuẫn trầm trọng đến khoảng cách đây 2 tháng chị đã về nhà mẹ đẻ sống. Anh D cũng xuống nhà bảo chị về đoàn tụ, chị không đồng ý thì lại chửi bới, xúc phạm và đe dọa chị.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Toà án cho chị được ly hôn với anh D .

*Về con chung:* Quá trình chung sống chị và anh D có 02 con chung: Nguyễn Thị Khánh L , sinh ngày 19/6/2011 và Nguyễn Hồ Văn N , sinh ngày 06/11/2013. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh Dũng cấp dưỡng nuôi 02 con với mức mỗi tháng 3.000.000đ/tháng/2 con, mỗi con 1.500.000đ.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

*Về khoản cho vay chung:* Không yêu cầu giải quyết.

*Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà bị đơn anh Nguyễn Văn Dũng trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh D xác định về thời gian và nơi đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn được 5 năm thì vợ chồng anh ở riêng. Thỉnh thoảng anh uống rượu, chị L không thích nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Chị L cho rằng anh chơi cờ bạc về hành hạ chị là không có. Khoảng hơn tháng nay chị L bỏ về nhà ngoại, mỗi lần anh xuống đề nghị chị L về đoàn tụ thì chị L cũng lấy cớ anh uống rượu để mắng chửi anh. Anh xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là nhỏ nhất, anh không đồng ý ly hôn, đề nghị Toà án hoà giải đoàn tụ cho vợ chồng anh.

*Về con chung:* Quá trình chung sống anh và chị L có hai con chung như chị Loan trình bày. Trong trường hợp chị Loan cương quyết ly hôn anh cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

*Về khoản cho vay chung:* Không có.

**Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm:**

*Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 96, 97 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016, ra bản án với các nội dung sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị L được ly hôn anh D .

- *Về con chung:* Quá trình chung sống chị L và anh D có 02 con chung: Nguyễn Thị Khánh L , sinh ngày 19/6/2011 và Nguyễn Hồ Văn N , sinh ngày

06/11/2013. Khi ly hôn, đề nghị giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật;

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh D tự nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị L với mức 3.000.000đ, mỗi con chung 1.500.000đ cho đến khi trưởng thành. Đề nghị Toà án ghi nhận mức cấp dưỡng của anh D .

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

- *Về khoản cho vay chung*: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí*: Chị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- *Quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, bị đơn anh Nguyễn Văn D có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Tuần, phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về tố tụng: Về sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành một số biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.] Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hồ Thị L và anh Nguyễn Văn D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đắc Sơn, huyện Phổ Yên (nay là phường Đắc, thành phố Phổ Yên) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/12/2010 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L và nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ của anh D thì thấy: Sau khi kết hôn chị L về gia đình anh D làm dâu, chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D chơi bời, rượu chè, gây áp lực cho chị L cả về thể xác lẫn tinh thần. Mâu thuẫn trầm trọng, từ tháng 8/2022 chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tại phiên tòa anh D cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn

khiến chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ cùng với hai con từ tháng 8/2022 đến nay là đúng, khi vợ chồng to tiếng anh có gây bạo lực đánh đập chị L nhưng chỉ là do anh ghen tuông, anh bắt gặp trực tiếp chị L quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh có khuyên bảo nhưng chị L không thừa nhận. Kể cả khi chị L và hai con bỏ đi về bên ngoại từ tháng 8/2022, anh nhiều lần sang động viên chị Loan về đoàn tụ, khi chị L không đồng ý anh đã bức tức nên gây sự và chửi bới, đó chỉ là nhất thời không suy nghĩ. Phiên tòa hôm nay, anh đã nhận ra sai lầm, mong chị L cho anh cơ hội, mong Toà án tạm dừng đơn của chị L lại cho vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm, nên anh cũng không đồng ý ly hôn và không ký đơn. Trường hợp chị L không đồng ý quay về đoàn tụ anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy, nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình của anh D là chính đáng, bởi mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xong bản thân chị L và anh D không chung sống cùng nhau từ đầu tháng 9/2022 cho đến nay. Điều này phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án, cụ thể:

Toà án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị L , anh D tại gia đình bà Nguyễn Thị Y là mẹ đẻ anh Dũng và được cung cấp: Sau khi kết hôn chị Loan về nhà bà làm dâu, đến năm 2015 thì vợ chồng ra ở riêng. Cuộc sống chung hạnh phúc cho đến tháng 8/2022, chị Loan bỏ đi, bà cũng không biết nguyên nhân mâu thuẫn là gì, không ai nói cho bà biết. Việc anh D có hư hỏng uống rượu như chị L trình bày là hoàn toàn đúng với thực tế. Từ khi chị L bỏ đi mang theo hai con về ngoại sống, gia đình bà cũng trao đổi với nhà ngoại hoà giải cho các con về đoàn tụ nhưng chị L không đồng ý. Bản thân anh D vẫn thường xuyên đi lại, chu cấp lương thực cho chị L và hai con, gửi tiền đóng học cho các con. Tuy nhiên khi vận động chị L về đoàn tụ thì chị L cương quyết không đồng ý. Chị L xin ly hôn, bà đề nghị Toà án hoà giải cho anh chị đoàn tụ.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét thấy có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả 2 bên. Tại phiên tòa, cho thấy thái độ cương quyết ly hôn của chị L đối với anh D và chị khẳng định không còn tình cảm gì với anh D , nếu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Loan mà cho vợ chồng anh chị đoàn tụ thì cũng không thể xây dựng gia đình trọn vẹn như ban đầu. Hơn nữa Anh D không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, không có cách nào để chị Loan thay đổi suy nghĩ để cùng anh hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ chung sống với nhau...*”.

Tuy nhiên, từ lời khai của chị L , anh D và kết quả xác minh tại gia đình nơi chị L , anh D cư trú thấy, chị L , anh D đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Toà án không thành thì Toà án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Loan, cho chị Loan được ly hôn với anh D là phù hợp theo quy định tại Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về con chung: Quá trình chung sống chị Loan và anh Dũng có 02 con chung: cháu Nguyễn Thị Khánh L , sinh ngày 19/6/2011 và Nguyễn Hồ Văn N , sinh ngày 06/11/2013. Quá trình hoà giải chị L và anh D đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Tại bản tường trình, cháu L và cháu N đều thể hiện nguyện vọng mong muốn được ở cùng với mẹ là Hồ Thị L . Tại phiên toà hôm nay anh Dũng xác định hai con còn nhỏ, trường hợp phải ly hôn anh đồng ý để hai con cho mẹ nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ/ hai con, mỗi con chung là 1.500.000đ/tháng .

Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của cả chị L , anh D đều là thực tâm, xuất phát từ tình cảm và trách nhiệm của cha mẹ đẻ đối với các con chung. Tuy nhiên, xét các điều kiện chăm sóc con chung của chị Loan và anh D thấy: Hiện nay chị Loan làm công nhân tại Công ty TNHH Hansol tại Khu công nghiệp Yên Bình, Phố Yên, Thái Nguyên, có thu nhập ổn định từ lương bình quân từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ. Hiện cả hai con chung, cháu L , cháu N đều đang sống ổn định cùng chị Loan, đều có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn. Đây là nguyện vọng chính đáng của các con chung, cần được ghi nhận. Do vậy, cần giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh D hàng tháng có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con được anh D đồng ý tự nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận tự nguyện này.

Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Thị Khánh L và Nguyễn Hồ Văn N cùng chị L mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng)/hai con chung là phù hợp.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết.

[3.4]. Về khoản cho vay chung: Không yêu cầu giải quyết nên không kê

khai khoản nợ.

[4]. Về án phí: Chị L có yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; anh D phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Hồ Thị L đối với anh Nguyễn Văn D .

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hồ Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn D

2. *Về con chung:* Giao cả hai con chung cháu Nguyễn Thị Khánh L , sinh ngày 19/6/2011 và Nguyễn Hồ Văn N , sinh ngày 06/11/2013 cho chị Hồ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* Ghi nhận việc anh Nguyễn Văn D tự nguyện thỏa thuận có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Thị Khánh L , sinh ngày 19/6/2011 và Nguyễn Hồ Văn N , sinh ngày 06/11/2013 cùng chị L mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng, mỗi con chung là 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng.

*Thời điểm thực hiện cấp dưỡng:* Kể từ tháng 03/2023 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc khi L có thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi*

*ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.*

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

4. *Về nợ chung, khoản cho vay chung:* Không yêu cầu giải quyết.

5. *Về án phí:* Chị Hồ Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chị L được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, theo biên lai số 0002471 ngày 09/11/2022. Xác nhận chị Loan đã nộp đủ;

Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

6. *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bên đương sự tại phiên tòa. Báo cho biết, Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.*

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- Chi cục THADS thành phố Phổ Yên;
- UBND phường Đắc Sơn (ĐKKH số 111, ngày 21/12/2010);
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hà**

